

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **2249/QĐ-TTg**

Hà Nội, ngày **29 tháng 12 năm 2020**

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 8 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tại Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc đề nghị phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm định số 5102/BC-HĐTĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo số 371/BC-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với các nội dung sau:

I. TÊN QUY HOẠCH, PHẠM VI RANH GIỚI QUY HOẠCH, THỜI KỲ QUY HOẠCH

1. Tên Quy hoạch:

Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Phạm vi ranh giới quy hoạch:

Toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Vĩnh Long với tổng diện tích tự nhiên là 152.573,3ha; trên phạm vi 08 đơn vị hành chính cấp huyện (thành phố Vĩnh Long, thị xã Bình Minh, các huyện: Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm, Tam Bình, Trà Ôn, Bình Tân).

- Phía Bắc và Đông Bắc giáp các tỉnh Tiền Giang và Bến Tre.

- Phía Tây Bắc giáp tỉnh Đồng Tháp;

- Phía Đông Nam giáp tỉnh Trà Vinh;

- Phía Tây Nam giáp các tỉnh: Hậu Giang, Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ.

Có tọa độ địa lý từ 9⁰35'00" đến 10⁰19'51" vĩ độ Bắc và từ 105⁰40'58" đến 106⁰17'22" kinh độ Đông.

3. Thời kỳ Quy hoạch:

- Thời kỳ Quy hoạch: 2021 - 2030.

- Tầm nhìn: Đến năm 2050.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC LẬP QUY HOẠCH

1. Quan điểm, nguyên tắc:

a) Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030), Kế hoạch phát triển kinh

tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) của cả nước; quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng Đồng bằng sông Cửu Long; các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng của quốc gia; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên.

b) Lập quy hoạch tỉnh phải dựa trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, dự báo xu hướng phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Tỉnh; bảo đảm tính khả thi trong triển khai, thực hiện, phù hợp với khả năng huy động, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực trên tất cả các lĩnh vực, các vùng của Tỉnh.

c) Xây dựng các phương án, định hướng phát triển phù hợp với bối cảnh, tình hình trong nước và quốc tế; thể hiện tư duy đổi mới, sáng tạo; bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia; phải kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực và nguyên tắc hài hòa lợi ích quốc gia, các vùng, các địa phương, lợi ích của người dân theo quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017.

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với tăng cường quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; đảm bảo an sinh xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bình đẳng giới, giảm nghèo, nâng cao mức sống vật chất, đời sống văn hóa, tinh thần của người dân; phát huy, duy trì và bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của Tỉnh.

2. Mục tiêu lập quy hoạch:

a) Cung cấp căn cứ pháp lý quan trọng để quản lý các hoạt động kinh tế - xã hội; làm cơ sở để xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công của Tỉnh; phát huy tiềm năng, thế mạnh để Tỉnh phát triển nhanh và bền vững trên cả 3 trụ cột: kinh tế - xã hội và môi trường, sớm đưa vị thế phát triển của Vĩnh Long thành một trong những tỉnh của vùng Đồng bằng sông Cửu Long có kết cấu hạ tầng đô thị và nông thôn theo hướng hiện đại, văn minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Nhằm đánh giá lại các điểm nghẽn trong phát triển để tìm ra các giải pháp trọng tâm, tiếp tục đưa Vĩnh Long phát triển nhanh, bền vững; loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, không phù hợp cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn; thực hiện cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai minh bạch, công bằng nhằm huy động, tiếp cận, sử dụng mọi nguồn lực trong hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

c) Cụ thể hóa phương án quy hoạch, lập được phương án quy hoạch xây dựng vùng, hệ thống đô thị và nông thôn, kết cấu hạ tầng, phân bổ đất đai, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành.

III. NỘI DUNG CỦA QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về nội dung lập quy hoạch

a) Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

b) Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội giữa các ngành, lĩnh vực và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

c) Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; đảm bảo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

d) Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập Quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội nhập quốc tế và liên kết vùng.

2. Xác định nội dung chính của Quy hoạch

Nội dung Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo các quy định tại Luật Quy hoạch năm 2017 và Nghị định số 37/2019/NQ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Phân tích, đánh giá thực trạng và dự báo về các yếu tố, điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển, nguồn lực đặc thù của tỉnh Vĩnh Long; đánh giá những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức; các vấn đề trọng tâm cần giải quyết trong quy hoạch tỉnh.

b) Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Vĩnh Long.

c) Đánh giá về việc thực hiện quy hoạch thời kỳ trước.

d) Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh:

- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng và lựa chọn các phương án:
 - + Phương án tổ chức hoạt động kinh tế xã hội.
 - + Phương án quy hoạch và phát triển hệ thống đô thị, nông thôn, các khu vực và khu chức năng; phương án tổ chức lãnh thổ và phân bố bố dân cư (thực hiện theo đúng quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017).
 - + Phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội (thực hiện theo đúng quy định tại Điểm đ, e, g, h, i, k, Khoản 2, Điều 27, Luật Quy hoạch năm 2017).
 - + Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.
 - + Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
 - + Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.
 - + Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.
 - + Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.
 - + Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.
 - + Danh mục dự án của tỉnh và thứ tự ưu tiên thực hiện.
 - + Các giải pháp, nhiệm vụ và nguồn lực thực hiện quy hoạch.

đ) Một số nội dung đề xuất nghiên cứu:

Các nội dung đề xuất nghiên cứu để đưa vào Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải bảo đảm căn cứ pháp lý, cơ sở khoa học, phù hợp với thực tiễn; xuất phát từ nhu cầu phát triển và yêu cầu quản lý nhà nước của Tỉnh. Tập trung nghiên cứu các phương hướng phát triển không gian kinh tế - xã hội, các vùng đặc trưng, các ngành, lĩnh vực có thế mạnh và đặc thù của Vĩnh Long.

IV. PHƯƠNG PHÁP LẬP QUY HOẠCH

1. Yêu cầu về phương pháp lập quy hoạch:

Các phương pháp sử dụng lập quy hoạch phải bảo đảm tiếp cận khoa học, phù hợp với thực tiễn; tiếp cận tổng hợp, đa chiều, đa lĩnh vực; tiếp cận tổng thể, liên ngành, liên vùng; tiếp cận tích hợp, lồng ghép; tiếp cận dựa trên nguyên tắc thị trường và ứng dụng công nghệ hiện đại.

2. Các phương pháp lập quy hoạch:

Sử dụng các phương pháp lập quy hoạch đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn và có độ tin cậy cao, cụ thể:

- Phương pháp tích hợp quy hoạch.
- Phương pháp tiếp cận từ thực địa.
- Phương pháp so sánh đối chiếu với bài học thực tiễn quốc tế liên quan.
- Phương pháp có sự tham gia của các bên liên quan và thực thể bị ảnh hưởng.
- Phương pháp chuyên gia, hội nghị, hội thảo, tọa đàm.
- Phương pháp dự báo phát triển và quy hoạch chiến lược.
- Phương pháp phân tích hệ thống, so sánh, tổng hợp, mô hình tối ưu, phân tích ma trận SWOT.
- Phương pháp lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS).

- Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật lập quy hoạch tỉnh.

V. THÀNH PHẦN HỒ SƠ, CHI PHÍ, TIẾN ĐỘ LẬP QUY HOẠCH

1. Thành phần hồ sơ quy hoạch

a) Văn bản:

- Văn bản trình thẩm định và văn bản trình phê duyệt quy hoạch tỉnh.
- Dự thảo quyết định phê duyệt quy hoạch tỉnh.
- Báo cáo thuyết minh quy hoạch tỉnh gồm: Báo cáo tổng hợp, Báo cáo tóm tắt; các phụ lục, văn bản pháp lý liên quan và các sơ đồ của quy hoạch tỉnh.
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường).

Số lượng và tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ quy hoạch theo quy định.

b) Hệ thống bản đồ và sơ đồ phân tích:

- Bản đồ in tỷ lệ 1:250.000 - 1:1.000.000: Bản đồ vị trí và các mối quan hệ của tỉnh Vĩnh Long.
- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:25.000 - 1:100.000:
 - + Các bản đồ về hiện trạng phát triển.
 - + Bản đồ đánh giá tổng hợp đất đai theo các mục đích sử dụng.
 - + Bản đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn.

- + Bản đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng.
- + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
- + Bản đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật.
- + Bản đồ phương án quy hoạch sử dụng đất.
- + Bản đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên.
- + Bản đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu.
- + Bản đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.
- + Bản đồ vị trí các dự án và thứ tự ưu tiên thực hiện.
- + Bản đồ chuyên đề (nếu có).
- Bản đồ số và bản đồ in tỷ lệ 1:10.000 - 1: 25.000: Bản đồ hiện trạng và định hướng phát triển khu vực trọng điểm của tỉnh Vĩnh Long.

c) Cơ sở dữ liệu quy hoạch.

2. Chi phí lập quy hoạch:

Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Thời hạn lập quy hoạch:

Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long tổ chức lập và hoàn thành lập quy hoạch tỉnh, trình Thủ tướng Chính phủ trước 31 tháng 12 năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long căn cứ nội dung nhiệm vụ được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Vĩnh Long thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đảm bảo phù hợp quy định của Luật Quy hoạch năm 2017 và các quy định hiện hành, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình lập quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long chủ động phối hợp, cập nhật thông tin với quy hoạch cấp cao hơn để điều chỉnh, bổ sung đảm bảo phù hợp với yêu cầu thực tiễn, tính thống nhất, đồng bộ giữa các cấp quy hoạch được quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch năm 2017.

2. Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành, cơ quan liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao và quy định hiện hành hướng dẫn Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long triển khai thực hiện lập Quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Tỉnh ủy, HĐND tỉnh Vĩnh Long;
- VPCP: BTCN, các PCN; Trợ lý, Thư ký TTgCP và các PTTgCP; các Vụ, Cục, TGD Công TTĐT;
- Lưu: VT, QHDP (3) Th.Tùng. 12

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng